



# BÀI GIẢNG Nhập môn ngành SP (Giáo dục tiểu học)- Chương 3. Bài giảng

Nhập Môn Ngành Sư Phạm (Đại học Vinh)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

-----



# **BÀI GIẢNG**

# **NHẬP MÔN NGÀNH SỬ PHẠM**

(Lưu hành nội bộ)

VINH, 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

-----

Chu Thị Hà Thanh- Nguyễn Thị Thu Hằng-  
Nguyễn Tiên Dũng- Bùi Văn Hùng- Phan Anh Tuấn

# BÀI GIẢNG NHẬP MÔN NGÀNH SƯ PHẠM

## CHƯƠNG 3. TÌM HIỂU NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

(Lưu hành nội bộ)

## CHƯƠNG 3. TÌM HIỂU NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

### MỤC TIÊU

Sau khi học xong chương 3, SV có khả năng:

1. Trình bày được yêu cầu năng lực giáo viên ở thế kỉ 21;
2. Mô tả được hình ảnh người giáo viên và giáo viên cốt cán ở trường tiểu học;
3. Phân tích được đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên tiểu học;
4. Giới thiệu được CTGDPT-2018 về: quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu chương trình, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục, nội dung giáo dục, định hướng về phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục;
5. Giới thiệu được chương trình đào tạo cử nhân sư phạm ngành Giáo dục tiểu học: **Mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung CTĐT, vị trí việc làm sau tốt nghiệp, tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp, Phương pháp giảng dạy và học tập, các hình thức đánh giá;**
6. Tích cực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ trong quá trình học tập.

### NỘI DUNG

#### NGƯỜI GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TRONG BỐI CẢNH MỚI

##### Yêu cầu năng lực giáo viên ở thế kỉ 21

*Chuyển đổi số trong giáo dục và những vấn đề đặt ra đối với năng lực của giáo viên*

Có nhiều định nghĩa khác nhau về chuyển đổi số (Digital transformation) nhưng có thể nói chung đó là chuyển các hoạt động của chúng ta từ thế giới thực sang thế giới ảo ở trên môi trường mạng. Theo đó, mọi người tiếp cận thông tin nhiều hơn, rút ngắn về khoảng cách, thu hẹp về không gian, tiết kiệm về thời gian. Chuyển đổi số là xu thế tất yếu, diễn ra rất nhanh đặc biệt trong bối cảnh của cuộc Cách mạng Công nghệ 4.0 (CMCN 4.0) hiện nay.

Sự phát triển của các ứng dụng trên nền tảng di động, mạng xã hội giúp người dùng dễ dàng tương tác mọi lúc mọi nơi, đã tạo điều kiện cho giáo dục trực tuyến phát triển lên bậc cao hơn.

Chuyển đổi số trong ngành giáo dục, nghĩa là việc áp dụng công nghệ, cũng dựa vào mục đích, cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục và được ứng dụng dưới 3

hình thức chính: 1) Ứng dụng công nghệ trong lớp học (Cơ sở vật chất lớp học, công cụ giảng dạy); 2) Ứng dụng công nghệ trong phương pháp dạy học (Áp dụng các xu hướng giáo dục công nghệ như Lớp học thông minh, Game hóa (Gamification), Lập trình,... vào giảng dạy...); 3) Ứng dụng công nghệ trong quản lý (Công cụ quản lý và vận hành).

Chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo tập trung vào hai nội dung chủ đạo là chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học (NCKH). Trong quản lý giáo dục bao gồm số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các Công nghệ 4.0 (AI, blockchain, phân tích dữ liệu, ..) để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ ra quyết định trong ngành GDĐT một cách nhanh chóng, chính xác. Trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến, xây dựng các trường đại học ảo (cyber university).

Chuyển đổi số mang lại những lợi ích cho ngành giáo dục nhưng đồng thời cũng đặt ra các yêu cầu, thách thức đối với năng lực của giáo viên.

#### *Tiết kiệm chi phí học tập*

Thay vì tham gia các buổi học trên lớp, HS có thể đăng ký các khóa học E- Learning với chi phí thấp hơn. Ngoài ra, HS chỉ cần chọn các khóa học mình thật sự yêu thích và quan tâm. Điều này không chỉ giúp giảm chi phí cho các môn học không cần thiết, mà còn giúp học tập chất lượng hơn.

#### *Truy cập tài liệu không giới hạn*

Chuyển đổi số trong giáo dục mang đến một kho tài liệu khổng lồ, không giới hạn. Do đó, HS có thể dễ dàng truy cập, tìm kiếm thông tin cần thiết cho việc học của mình. Việc khai thác học liệu sẽ được diễn ra nhanh chóng thông qua các thiết bị trực tuyến. Đồng thời, người dùng cũng không cần lo lắng vì giới hạn khả năng tài chính.

Hơn hết, chuyển đổi số giúp rút ngắn quá trình trao đổi tài liệu giữa học sinh và giáo viên. Ngoài ra, chi phí in ấn cũng được giảm thiểu tối đa.

#### *Linh hoạt trong quá trình học tập*

Công nghệ số mở ra kỷ nguyên học tập thoải mái qua mạng Internet. Do đó, có thể học tập mọi lúc, mọi nơi. Với tiện ích này, người học có thể tiếp thu kiến thức thuận tiện và dễ dàng hơn. Việc này đã mở ra một nền giáo dục hoàn toàn mới, phù hợp với tính chất xã hội hiện tại.

Học trực tuyến giúp học sinh thoải mái hơn trong việc lựa chọn không gian cũng như thời gian. Người học không bị gò bó bởi giờ giấc giảng dạy trên lớp cũng như tiết kiệm được chi phí đi lại.

#### *Thúc đẩy chất lượng giảng dạy*

Không chỉ mang đến lợi ích cho người học, chuyển đổi số còn hỗ trợ người dạy trong quá trình đào tạo, bổ sung kiến thức cho học viên, qua một số lợi ích thiết thực như:

Blockchain: Quản lý hồ sơ giáo dục, thông tin của học sinh; quản lý, chia sẻ dữ liệu từ các trường khác nhau; ghi lại lịch sử buổi học, bảng điểm đảm bảo được tính công khai, minh bạch.

IoT: Theo dõi hoạt động của học sinh; quản lý, giám sát quá trình học tập của học sinh.

Big Data: Lưu trữ mọi kiến thức trong không gian mạng.

#### *Yêu cầu về nguồn nhân lực giáo dục chất lượng cao*

Quá trình chuyển đổi số trong ngành giáo dục cần dựa trên nền tảng công nghệ quốc gia. Đặc biệt, nền tảng này cần được thống nhất trong mọi hệ thống giáo dục. Điều này giúp tất cả mọi người từ giáo viên đến học sinh/hay các chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo đều được tham gia. Để thực hiện được nhiệm vụ này yếu tố nhân lực chính là điều kiện cần tiếp theo cho việc chuyển đổi số trong ngành giáo dục, trong đó năng lực của giáo viên là yếu tố quan trọng.

#### *Mô tả năng lực của giáo viên tiểu học thế kỉ 21*

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đáp ứng nhu cầu xã hội như hiện nay, mỗi GV cần không ngừng tự bồi dưỡng và tự học nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp của chính mình. Những năng lực cần có của GV tiểu học, Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV tiểu học công lập và Chuẩn đầu ra cho sinh viên khối ngành sư phạm): 1) Năng lực về phẩm chất chính trị, đạo đức; 2) Năng lực tìm hiểu người học và môi trường giáo dục; 3) Năng lực giáo dục; 4) Năng lực dạy học; 5) Năng lực giao tiếp; 6) Năng lực đánh giá trong giáo dục; 7) Năng lực hoạt động xã hội;

8) Năng lực phát triển nghề nghiệp.

Sau đây là bảng mô tả các năng lực thành phần của các năng lực của GV tiểu học ở thế kỉ 21:

Năng lực	Cấu trúc năng lực
<b><i>Phẩm chất chính trị, đạo đức</i></b>	1. Phẩm chất chính trị
	2. Trách nhiệm công dân
	3. Đạo đức nghề nghiệp
<b><i>Năng lực tìm hiểu người học và môi trường giáo dục</i></b>	1. Năng lực tìm hiểu HS tiểu học
	2. Năng lực tìm hiểu tập thể lớp HS tiểu học
	3. Năng lực tìm hiểu môi trường nhà trường tiểu học
	4. Năng lực tìm hiểu môi trường gia đình của HS tiểu học
	5. Năng lực tìm hiểu môi trường xã hội.
<b><i>Năng lực giáo dục</i></b>	1. Năng lực giáo dục qua dạy học các môn học ở tiểu học
	2. Năng lực giáo dục toán học
	3. Năng lực giáo dục ngôn ngữ
	4. Năng lực giáo dục khoa học cho HS tiểu học
	5. Năng lực giáo dục thể chất
	6. Năng lực giáo dục nghệ thuật
	7. Năng lực giáo dục lối sống cho HS tiểu học
	8. Năng lực giáo dục công nghệ, kĩ thuật cho HS tiểu học
	1. Năng lực tổ chức và phát triển tập thể lớp
	2. Năng lực giáo dục qua các hoạt động giáo dục
	a. Năng lực tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo
	b. Năng lực tổ chức ngày lễ hội
	c. Năng lực tổ chức hoạt động ngoại khóa
	3. Năng lực giáo dục khác
	a. Năng lực giải quyết các tình huống sư phạm
	b. Năng lực giáo dục HS có hành vi mong đợi
	c. Năng lực tư vấn và tham vấn giáo dục tiểu học



	d. Năng lực phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường
	e. Năng lực xây dựng, quản lí và sử dụng hồ sơ giáo dục
<b>Năng lực dạy học</b>	1. Năng lực hiểu biết các kiến trúc khoa học nền tảng bổ trợ, liên môn
	2. Năng lực hiểu biết các kiến thức chuyên môn sâu giáo dục tiểu học
	3. Năng lực suy phản biện, sáng tạo
	4. Năng lực phát triển chương trình môn học
	5. Năng lực vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn
	6. Năng lực dạy học phân hóa
	7. Năng lực dạy học tích hợp
	8. Năng lực thiết kế và thực hiện kế hoạch dạy học
	9. Năng lực đánh giá sự phát triển của học sinh
	10. Năng lực xây dựng, quản lí và sử dụng hồ sơ dạy học
	11. Năng lực chủ nhiệm lớp
<b>Năng lực giao tiếp</b>	1. Năng lực giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ
	2. Năng lực giao tiếp với HS tiểu học
	3. Năng lực giao tiếp với phụ huynh
	4. Năng lực giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội
<b>Năng lực đánh giá trong giáo dục</b>	1. Năng lực tổ chức đánh giá trong giáo dục tiểu học
	2. Năng lực thiết kế các công cụ đánh giá trong giáo dục tiểu học
	3. Năng lực sử dụng các phần mềm hỗ trợ đánh giá giáo dục tiểu học
<b>Năng lực hoạt động xã hội</b>	1. Năng lực tham gia các hoạt động xã hội
	2. Năng lực vận động người khác tham gia các hoạt động xã hội
	3. Năng lực tổ chức các hoạt động xã hội
	1. Năng lực tự đánh giá

<b>Năng lực phát triển nghề nghiệp</b>	2. Năng lực tự học
	3. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học
	4. Năng lực ngoại ngữ
	5. Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

## Hình ảnh người giáo viên và giáo viên cốt cán ở trường tiểu học

### *Giáo viên ở trường tiểu học*

#### a. Khái niệm giáo viên tiểu học

Điều 26, Điều lệ trường tiểu học (Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT, ban hành ngày 4 tháng 9 năm 2020) chỉ rõ: Giáo viên làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh trong trường tiểu học và cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

#### b. Vai trò và nhiệm vụ của giáo viên tiểu học

Điều 27, Điều lệ trường tiểu học, quy định giáo viên có những nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch giáo dục; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (nội dung, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá học sinh) và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình phụ trách, bảo đảm quy định của chương trình giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường.

b) Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác.

c) Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện.

d) Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; ứng xử văn hóa, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh.

đ) Thực hiện tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường

xuyên giáo viên theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

g) Tham gia lựa chọn sách giáo khoa theo quy định; đề nghị nhà trường trang bị các xuất bản phẩm tham khảo, thiết bị dạy học theo quy định, phù hợp để sử dụng trong quá trình dạy học.

h) Tham gia kiểm định chất lượng giáo dục.

i) Tham gia thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ ở địa phương.

k) Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh, cộng đồng và các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

l) Quản lý, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục tại điểm trường khi được hiệu trưởng phân công.

m) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của hiệu trưởng.

Giáo viên làm công tác chủ nhiệm, ngoài các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 của Điều này, còn có các nhiệm vụ sau đây:

a) Chủ động nắm bắt thông tin từng học sinh của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; xây dựng các hoạt động giáo dục của lớp thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh.

b) Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng và được hiệu trưởng phê duyệt.

c) Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ, giáo viên, tổng phụ trách Đội, các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh lớp mình chủ nhiệm; tổng hợp nhận xét, đánh giá học sinh cuối kỳ I và cuối năm học; hướng dẫn học sinh bình bầu và đề nghị khen thưởng; lập danh sách học sinh đề nghị ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi học bạ cho học sinh.

d) Báo cáo thường kì hoặc đột xuất về tình hình của lớp với hiệu trưởng.

Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

c. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người giáo viên tiểu học

Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học bao gồm các yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; kiến thức; kỹ năng sư phạm và tiêu chuẩn xếp loại theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT. Gồm các mục cơ bản sau đây:

1. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học

Phẩm chất nhà giáo

Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ

Xây dựng môi trường giáo dục

Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục

2. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của giáo viên tiểu học

Giáo viên tiểu học hạng III

Giáo viên tiểu học hạng II

Giáo viên tiểu học hạng I

d. Đặc trưng của người giáo viên tiểu học lí tưởng trong thế kỉ 21

(1) *Lớp học lấy người học làm trung tâm và hướng đến các cá nhân*: Khi mà học sinh có quyền truy cập vào bất kỳ thông tin nào có trên mạng internet, chắc chắn không cần phải cung cấp kiến thức hoặc dạy nội dung một theo kiểu “một cỡ vừa cho tất cả”. Học sinh có tính cách, mục tiêu và nhu cầu khác nhau, vì thế việc dạy học cần hướng đến nhu cầu của người học và chú trọng việc cá nhân hóa. Khi học sinh được phép đưa ra lựa chọn của riêng mình sẽ làm chủ việc học, tăng động lực bên trong và nỗ lực nhiều hơn nữa – đó là công thức lý tưởng cho kết quả học tập tốt hơn.

(2) *Học sinh là người sản xuất nội dung*: Ngày nay, học sinh có các công cụ mới nhất và tốt nhất, để hỗ trợ cho công việc học tập. Mặc dù vậy, hiện nay nhiều học sinh vẫn không thể tạo ra bất kỳ nội dung kỹ thuật số nào. Học sinh sở hữu các thiết bị đắt tiền có khả năng sản xuất blog, infographics, sách, video

hướng dẫn và hướng dẫn,..., nhưng trong nhiều lớp học, học sinh vẫn bị cấm sử dụng các thiết bị công nghệ, thay vào đó là sử dụng bút viết và bảng đen.

(3) *Tìm hiểu các công nghệ mới*: Để có thể cung cấp cho học sinh các lựa chọn, giáo viên cần có kinh nghiệm và chuyên môn tốt. Nếu giáo viên không đổi mới, cập nhật các ứng dụng công nghệ và đưa nó vào công việc giảng dạy, rất nhanh chóng việc dạy sẽ trở nên nhàm chán và học sinh không cảm thấy có điều gì mới mẻ.

(4) *Trở thành công dân toàn cầu*: Ngày nay, các công cụ của Google giúp bạn có thể tìm hiểu về các quốc gia và người dân ở các vùng lãnh thổ khác nhau. Tất nhiên, sách giáo khoa vẫn cần thiết, nhưng việc học ngôn ngữ, văn hóa và kỹ năng giao tiếp bằng cách thực sự nói chuyện với mọi người từ các nơi khác trên thế giới còn quan trọng hơn nhiều.

Dạy học sinh cách sử dụng các công cụ công nghệ để đến thăm bất kỳ góc nào trên hành tinh sẽ khiến chúng ta hiểu biết và đồng cảm hơn.

(5) *Hãy thông minh và sử dụng điện thoại thông minh*: Một lần nữa, khi học sinh được khuyến khích sử dụng các thiết bị công nghệ và nhìn nhận nó như là một công cụ có giá trị hỗ trợ kiến thức (chứ không phải là yếu tố khiến họ bị ảnh hưởng và mất tập trung), học sinh sẽ bắt đầu sử dụng chúng như vậy.

(6) *Blog*: Ngày nay blog có tầm quan trọng với cả học sinh và giáo viên, ngay cả với những học sinh tiểu học. Không nghi ngờ gì nữa, kỹ năng viết thông qua thực hành viết Blog là hoạt động quan trọng cần có đối với học sinh.

(7) *Chuyển sang kỹ thuật số*: Một đặc điểm quan trọng khác là sử dụng các tài nguyên và hoạt động giảng dạy dựa trên các website các nhân có tích hợp công nghệ để mang lại cho học sinh những kinh nghiệm học tập ở các cấp độ khác nhau. Chia sẻ liên kết và đưa ra các cuộc thảo luận trên mạng, cho phép học sinh truy cập và chia sẻ tài nguyên lớp học theo cách có tổ chức hơn.

(8) *Hợp tác*: Công nghệ cho phép hợp tác giữa giáo viên và học sinh. Tạo các nguồn tài nguyên kỹ thuật số, thuyết trình và dự án sẽ làm cho các hoạt động trong lớp gần hơn với thế giới thực. Việc hợp tác phải vượt ra ngoài việc chia sẻ tài liệu qua email hoặc các bài thuyết trình PowerPoint. Nghĩa là giáo viên phải thoát khỏi khuôn khổ lớp học, mở rộng sự hợp tác không chỉ với cộng đồng xung quanh hoặc trên phạm vi toàn cầu

(9) *Sử dụng các cuộc trò chuyện trên các nền tảng xã hội:* Tham gia vào các cuộc trò chuyện trên nền tảng mạng xã hội là cách rẻ nhất và hiệu quả nhất để tổ chức một hoạt động phát triển chuyên môn, chia sẻ nghiên cứu và ý tưởng, và luôn cập nhật các nghiên cứu mới trong giảng dạy. Việc đào tạo tập trung hoặc các hội thảo phát triển chuyên môn không còn là cách duy nhất để gặp gỡ người khác và xây dựng mạng lưới phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

(10) *Kết nối:* Kết nối với những người có cùng đam mê và sở thích. Một lần nữa, các công cụ cho phép chúng ta kết nối với bất cứ ai, bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào. Nếu bạn có một câu hỏi cho một chuyên gia hoặc đồng nghiệp, chỉ cần kết nối qua các phương tiện truyền thông xã hội: bạn sẽ nhận được câu trả lời.

(11) *Học tập dựa trên dự án:* Ngày nay, học sinh có thể truy cập vào các tài nguyên xác trên các website, các chuyên gia ở bất cứ đâu trên thế giới và học sinh cùng một chủ đề ở một nơi khác, giảng dạy với sách giáo khoa là điều đã tồn tại ở thế kỷ 20. Hôm nay, học sinh nên phát triển các câu hỏi của riêng mình, tiến hành nghiên cứu, liên hệ với các chuyên gia và tạo các dự án học tập để chia sẻ kết quả nghiên cứu, tất cả đều sử dụng các thiết bị công nghệ đã có trong tay. Tất cả những gì học sinh cần từ giáo viên là sự hướng dẫn.

(12) *Cẩn trọng trong việc sử dụng các thiết bị công nghệ và mạng xã hội:* Điều này nghe có vẻ hiển nhiên khi mạng xã hội đang ngày càng phổ biến. Giáo viên cũng là một người bình thường, chúng ta muốn sử dụng mạng xã hội và đăng ảnh và suy nghĩ của chúng ta. Nhưng chúng ta không thể yêu cầu học sinh không làm những điều không phù hợp trên mạng nếu chính chúng ta đã làm điều đó. Đảm bảo sự chuyên nghiệp cả trong lớp và trên không gian mạng giúp tạo nên môi trường học tập trực tuyến tích cực, từ đó mô hình hóa các hành động phù hợp cho học sinh.

(13) *Lập trình:* Mặc dù điều này nghe có vẻ phức tạp, nhưng việc lập trình không là gì ngoài việc biết chữ ngày nay. Vì bút chì và bút mực là công cụ của thế kỷ 20, ngày nay, giáo viên phải có khả năng hoạt động với máy tính bút chì và bút chì của thế kỷ 21. Hãy dùng bút công nghệ để viết lên những trang HTML của riêng mình.

(14) *Đổi mới:* Hãy mở rộng các công cụ giảng dạy của mình và thử những cách mới mà bạn chưa từng thử trước đây, chẳng hạn như giảng dạy bằng phương

tiện mạng xã hội hoặc thay thế sách giáo khoa bằng tài nguyên trên website. Không phải vì lợi ích của các công cụ mà vì lợi ích của học sinh.

Ví dụ, Facebook là cách thú vị cho các cuộc thảo luận và đăng các thông báo trên lớp. Học sinh đánh giá cao tính mới lạ không phải là các công cụ mới, mà là các cách sử dụng mới, năng suất hơn và thú vị hơn.

(15) *Tiếp tục học hỏi*: Khi các công cụ mới và công nghệ mới tiếp tục xuất hiện, học tập và thích nghi là điều cần thiết. Một cách đơn giản, hãy dành 20 phút mỗi ngày, đảm bảo bạn sẽ đi được một chặng đường dài.

*Giáo viên cốt cán và vai trò, nhiệm vụ của giáo viên cốt cán ở trường tiểu học*

a. Khái niệm giáo viên cốt cán

Khoản 9 Điều 3 Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông ban hành kèm Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT định nghĩa:

*Giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán* là giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông có phẩm chất đạo đức tốt; hiểu biết về tình hình giáo dục; có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ tốt; có uy tín trong tập thể nhà trường; có năng lực tham mưu, tư vấn, hỗ trợ, dẫn dắt, chia sẻ đồng nghiệp trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và trong hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp.

b. Điều kiện cần và đủ để trở thành giáo viên cốt cán ở trường tiểu học

Tiêu chuẩn lựa chọn giáo viên cốt cán được quy định tại *khoản 1, Điều 12* Quy định ban hành kèm Thông tư 20 như sau:

- Là giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông có ít nhất 05 năm kinh nghiệm giảng dạy trực tiếp ở cùng cấp học cho tới thời điểm xét chọn;
- Được xếp loại đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức khá trở lên, trong đó các tiêu chí về chuyên môn nghiệp vụ phải đạt mức tốt;
- Có khả năng thiết kế, triển khai các giờ dạy mẫu, tổ chức các tọa đàm, hội thảo, bồi dưỡng về phương pháp, kỹ thuật dạy học, giáo dục, nội dung đổi mới liên quan đến hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và bồi dưỡng cho đồng nghiệp trong trường hoặc các trường trên địa bàn tham khảo và học tập;
- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục, xây dựng và phát triển học liệu số, bồi dưỡng giáo viên;



- Có nguyện vọng trở thành giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán. Nếu có đủ các tiêu chuẩn trên, giáo viên có thể được chọn làm giáo viên cốt cán. Tuy nhiên, trong trường hợp nhà trường có số lượng giáo viên đáp ứng các điều kiện trên nhiều hơn theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên thì ưu tiên lựa chọn giáo viên cốt cán dựa trên các tiêu chuẩn sau:

- Có trình độ trên chuẩn trình độ đào tạo; được xếp loại đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

- Được công nhận là giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh hoặc có thành tích đặc biệt xuất sắc trong dạy học, giáo dục;

- Có sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật, giải pháp đổi mới trong dạy học và giáo dục được công nhận và sử dụng rộng rãi trong nhà trường, tại địa phương.

#### c. Vai trò của giáo viên cốt cán ở trường tiểu học

- GV cốt cán ở trường tiểu học có vai trò quan trọng trong việc xác định nhu cầu giáo dục và cải thiện chất lượng giáo dục của trường tiểu học. GV cốt cán là những giáo viên đánh giá được những gì đang xảy ra trong trường học và có một vị trí đủ tốt để giải quyết các vấn đề một cách khách quan. Họ không chỉ làm việc với đồng nghiệp, với HS, mà học còn tiếp xúc với nhiều phụ huynh, cộng đồng và những cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác giáo dục HS.

GV cốt cán ở trường tiểu học là đội ngũ và hiệu trưởng và các cấp quản lý kì vọng họ sẽ tạo ra những đột phá và mang lại bầu không khí thân thiện, nhân văn, vì sự phát triển chuyên môn nghề nghiệp và vì sự tiến bộ của HS.

Chính vì vậy, mỗi GV cốt cán trong trường cần có ý thức và định hướng rõ ràng cho sự phát triển của cá nhân mình, của cá nhân trong bối cảnh phát triển chung của trường và định hướng phát triển nhà trường. GV cốt cán là cầu nối, là người kết nối sức mạnh của các GV và nhân viên khác trong trường để lập kế hoạch giáo dục, thảo luận về mục tiêu phát triển nhà trường, lập kế hoạch hành động cụ thể cho các mục tiêu đó.

- GV cốt cán trong trường đồng thời cũng là những người gắn kết và thực hiện sứ mệnh của nhà trường từ ý tưởng của lãnh đạo đến triển khai trên từng bộ phận, GV và nhân viên dựa trên quy hoạch phát triển chung của nhà trường, đồng thời là người chia sẻ những bài học kinh nghiệm của những bạn bè đồng nghiệp tại các cơ sở giáo dục khác.

- GV cốt cán còn là người truyền cảm hứng cho đồng nghiệp của mình trước những thay đổi hoặc những đổi mới giáo dục nhất là trong bối cảnh xã hội bước vào thời kì hội nhập và phát triển như hiện nay.

- GV cốt cán là những người góp phần lớn trong việc đổi mới trường học, thay đổi chính sách trong trường học. Hơn ai hết, đội ngũ GV cốt cán là người hiểu không chỉ về CTGD, những quy định mang tính chất ràng buộc luật pháp của nghề nghiệp, mà họ còn là những người hiểu sâu sắc và thấu đáo những lợi ích mang lại từ những tiếp cận mới trong giáo dục, họ là những người đại diện cho các GV nhiệt huyết. Chính vì vậy, những đề nghị, ý kiến cũng như mong muốn chính đáng của họ góp phần cải thiện chất lượng giáo dục học đường, thay đổi chính sách đối với GV, HS và những người làm công tác giáo dục trong cả cộng đồng (theo *khoản 3, Điều 12, Thông tư 20/2018*).

#### d. Nhiệm vụ của giáo viên cốt cán ở trường tiểu học

- Hỗ trợ, tư vấn cho đồng nghiệp trong trường hoặc các trường trên địa bàn phát triển phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, phù hợp với điều kiện nhà trường, địa phương;

- Hỗ trợ, tư vấn cho đồng nghiệp trong trường hoặc các trường trên địa bàn các vấn đề liên quan đến đảm bảo và nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục cho học sinh; tham gia biên soạn tài liệu chuyên đề môn học, tài liệu hướng dẫn (cho giáo viên, học sinh);

- Tổ chức hướng dẫn các đề tài nghiên cứu khoa học cho học sinh theo yêu cầu của người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông và cơ quan quản lý;

- Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong trường hoặc các trường trên địa bàn về các hoạt động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giảng dạy môn học;

- Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về việc thực hiện các khóa đào tạo, bồi dưỡng giáo viên qua mạng internet; về bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ giáo viên trong trường hoặc các trường trên địa bàn; tham gia tập huấn, bồi dưỡng giáo viên theo yêu cầu hàng năm của ngành;

- Tham mưu, tư vấn cho cấp quản lý trực tiếp về công tác xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương nhằm bảo đảm mục tiêu, chất lượng dạy học, giáo dục và nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên;

- Tham gia tổ chức, báo cáo chuyên môn, nghiệp vụ tại các hội nghị chuyên đề, các buổi sinh hoạt chuyên môn của trường hoặc các trường trên địa bàn;

- Thực hiện kết nối, hợp tác với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, các đơn vị nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học giáo dục (đặc biệt là khoa học sư phạm ứng dụng).

Như vậy, có thể thấy, giáo viên cốt cán là người có vị trí quan trọng trong đội ngũ giáo viên, giúp hỗ trợ đồng nghiệp cùng phát triển trong công việc.

#### e. Quy trình lựa chọn giáo viên cốt cán

Căn cứ *khoản 2, Điều 12* Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, quy trình lựa chọn giáo viên cốt cán như sau:

- Cơ sở giáo dục phổ thông lựa chọn và đề xuất giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán và báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;

- Trường phòng giáo dục và đào tạo lựa chọn và phê duyệt giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán theo thẩm quyền; báo cáo sở giáo dục và đào tạo;

- Giám đốc sở giáo dục và đào tạo lựa chọn và phê duyệt danh sách giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán theo thẩm quyền; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo yêu cầu.

### **Đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên tiểu học**

#### *Lao động sư phạm*

*"Lao động sư phạm là một loại lao động đặc biệt, để thích ứng với lao động này, sinh viên sư phạm khi còn ngồi trên ghế nhà trường phải chuẩn bị cho mình có được những phẩm chất và năng lực, thói quen phù hợp với lao động sau khi tốt nghiệp. Do đó, chuẩn đầu ra ngành Sư phạm đào tạo giáo viên phải hướng theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên" (GS Đinh Quang Báo).*

- Đặc điểm quan trọng nhất của lao động sư phạm là trong suốt quá trình lao động luôn luôn có sự tương tác giữa: thầy - trò; trò - trò; thầy - thầy; nhà trường - cộng đồng xã hội.

- Mục đích của lao động sư phạm là đào tạo thế hệ trẻ thành lực lượng lao động tiếp nối sự phát triển xã hội theo mô hình nhân cách mà xã hội yêu cầu ở từng thời kỳ phát triển.

- Sức lao động của GV biểu hiện nhiều ở mặt hoạt động trí óc cho nên sự tái sản xuất sức lao động không chỉ biểu thị bằng sự hồi phục sức khỏe cơ bắp mà

quan trọng là sự hồi phục năng lực hoạt động trí tuệ. Chống sự lão hóa trí tuệ là một mặt quan trọng mà những người sử dụng lao động GV cần đặc biệt quan tâm.

- Đối tượng lao động sư phạm là học sinh. Công cụ chủ yếu của lao động sư phạm là nhân cách của người giáo viên; bằng chính nhân cách của mình, giáo viên tác động tích cực đến sự hình thành nhân cách của học sinh. Sản phẩm của lao động sư phạm là những nhân cách theo mô hình mà xã hội đòi hỏi ở giáo dục nhà trường.

Như vậy, trong ***lao động sư phạm***, đối tượng lao động là con người, công cụ chủ yếu là con người, sản phẩm cũng là con người. Có thể nói sản phẩm lao động của nhà giáo là *loại sản phẩm cao cấp bậc nhất, gắn với tương lai xã hội*. Trong một xã hội đang phát triển nhanh thì sản phẩm của giáo dục phải thường xuyên được nâng cấp chất lượng mới đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Và tất nhiên, những người làm ra các sản phẩm đó là giáo viên, phải không ngừng được bồi dưỡng, đào tạo lại.

#### *Lao động sư phạm của người giáo viên tiểu học*

Đặc điểm nghề dạy học ở tiểu học là “nghề đậm đặc tính sư phạm “. Người giáo viên tiểu học là “*ông thầy tổng thể*” vừa dạy các bộ môn, vừa là giáo viên chủ nhiệm, quản lý trực tiếp, toàn diện học sinh của lớp mình phụ trách, chịu trách nhiệm về chương trình giảng dạy, phối hợp với các giáo viên năng khiếu (nếu có), giáo viên tổng phụ trách Đội để hoàn thành kế hoạch giáo dục. Ngoài ra, người giáo viên tiểu học còn phải luôn luôn học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, để đạt và vượt chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Bất cứ lao động nào cũng có ba khâu: *sử dụng công cụ lao động, tác động lên đối tượng lao động và tiêu phí sức lao động*. Lao động sư phạm của giáo viên tiểu học cũng vậy.

##### a. Đối tượng lao động

*Đối tượng lao động* của người giáo viên tiểu học là con người, là thế hệ trẻ đang lớn lên cùng với nhân cách của nó. Đối tượng này không phải là vật vô tri vô giác như tấm vải của người thợ may, viên gạch của người thợ hồ hay khúc gỗ của người thợ mộc ... mà là một con người rất nhạy cảm với những tác động của môi trường bên ngoài theo hướng tích cực và cả hướng ngược lại. Như vậy người giáo viên tiểu học phải lựa chọn và gia công lại những tác động xã hội và tri thức

loài người bằng lao động sự phạm của mình nhằm hình thành con người đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Đối tượng đó vừa là khách vừa là chủ thể của quá trình giáo dục. Tác động đến đối tượng đó không phải lúc nào cũng mang lại hiệu quả như nhau. Hiệu quả đó cũng không tỷ lệ thuận với số lần tác động. Do đó, trong tay người giáo viên phải có vô số phương án để tác động đến đối tượng, không thể rập khuôn máy móc như lao động khác. Bản thân đối tượng lao động đã quyết định tính đặc thù của lao động sự phạm của nghề dạy học.

#### b. Công cụ lao động sự phạm

*Công cụ chủ yếu của lao động sự phạm* (ngoài kiến thức) là người giáo viên với toàn bộ nhân cách của mình. Nhân cách này càng tinh xảo, càng hoàn hảo thì sản phẩm làm ra càng hoàn thiện. Nhân cách đó bao gồm tâm hồn, tư tưởng, phong cách sống cũng như sinh hoạt của người giáo viên. Từ đó chúng ta có thể thấy rõ hơn, nếu nhân cách của giáo viên không đáp ứng yêu cầu thì không thể giáo dục nhân cách cho học sinh.

#### d. Quá trình lao động sự phạm

*Quá trình lao động sự phạm* của giáo viên tiểu học có những nét riêng:

- Là người trang bị kiến thức ban đầu, tuy không sâu, nhưng trải rộng, người giáo viên tiểu học phải được tiếp thu nhiều bộ môn khoa học cơ bản kể cả những bộ môn năng khiếu như hát, vẽ, thể dục, ... Vì vậy, người giáo viên tiểu học phải có sự rèn luyện cả về lý thuyết lẫn thực hành. Đó là nhu cầu bắt buộc.

- Giáo viên tiểu học là người thầy đầu tiên trong cuộc đời của người học sinh. Họ hình thành nhân cách ban đầu cho những mầm non, những chủ nhân tương lai của một đất nước. Người giáo viên tiểu học khắc dấu ấn rất sâu đối với sự hình thành nhân cách của học sinh, là “thần tượng” của các em học sinh tiểu học. Những lời nói, thái độ, cử chỉ, hành vi, lối sống, ... của người giáo viên tiểu học ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài đến nhân cách học sinh. Bởi những lẽ đó, vai trò và lao động sự phạm của người giáo viên tiểu học rất lớn trong hệ thống giáo dục phổ thông.

- Để giúp học sinh có những bước đầu về sự hình thành kỹ năng tư duy, người giáo viên tiểu học phải có kỹ năng sự phạm. Phương pháp giảng dạy mới, tích cực, có phát huy trí lực học sinh hay không, có tạo cho học sinh sự năng động,

hứng thú, thích tìm tòi cái mới trong cuộc sống hay không cũng bắt đầu từ người giáo viên tiểu học.

- Người giáo viên tiểu học đòi hỏi phải nhiệt tình, đặc biệt là năng lực giao tiếp tốt, phải ứng xử phù hợp trong mọi tình huống vì họ phải tạo mối quan hệ tốt đẹp với cha mẹ học sinh, với địa phương, cộng đồng xã hội để phối hợp giáo dục.

#### e. Kết quả lao động sư phạm

*Kết quả lao động sư phạm* của giáo viên tiểu học cũng có nhiều điểm đặc biệt. Các loại lao động khác khi kết thúc qua trình lao động thì thu được sản phẩm. Còn quá trình lao động của người giáo viên tiểu học chưa thể kết thúc khi sản phẩm của họ ra đời. Hiệu quả lao động của người giáo viên sống mãi trong nhân cách của học sinh được học đào tạo nên lao động sư phạm vừa mang tính tập thể rất sâu, vừa mang dấu ấn cá nhân rất đậm. Vì vậy nó đòi hỏi một tinh thần trách nhiệm cao và sự am hiểu nghề nghiệp nhất định. Tính nghề nghiệp là một đòi hỏi, đồng thời cũng tạo ra điều kiện để cho người giáo viên tiểu học tự rèn luyện mình. Chính thế nâng cao toàn bộ phẩm chất của người giáo viên tiểu học là một yêu cầu tất yếu khách quan của xã hội như Mác nói: "*Bản thân nhà giáo dục cũng phải được giáo dục*".

Ngày nay, trong lao động của người giáo viên đang diễn ra những thay đổi rất cơ bản, đòi hỏi giáo viên phải nỗ lực vươn lên để thích ứng. Trong quỹ thời gian của giáo viên phải có một tỷ lệ thích đáng dành cho việc học tập tự bồi dưỡng mới đáp ứng được những thay đổi về chức năng, nội dung, hình thức lao động.

Công nghệ thông tin được áp dụng ngày càng rộng rãi trong quá trình dạy học, đem lại những khả năng mới, giúp giáo viên dễ dàng đưa những phần việc vốn chỉ thực hiện được ở ngoài lớp vào trong tiết học, biểu diễn trực quan cơ chế các hiện tượng, quá trình trong thế giới vi mô và vĩ mô, cung cấp một khối lượng lớn thông tin trong thời gian ngắn, xử lý nhanh những chuỗi số liệu phức tạp, làm giảm nhẹ lao động chấm bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Giáo viên phải làm chủ được các phương tiện công nghệ thông tin mới vận dụng được vào quá trình dạy học. Nếu không muốn bị tụt hậu, giáo viên phải sớm tìm hiểu tin học cơ sở, học hỏi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

## GIỚI THIỆU CTGDPT-2018 (SV tự học)

Xem (tr5-tr35) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể*. Ban hành kèm theo TT 32 /2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. (Chú trọng cấp tiểu học)

Về quan điểm xây dựng chương trình

Về mục tiêu chương trình

Về yêu cầu cần đạt

Về kế hoạch giáo dục

Về nội dung giáo dục

Định hướng về phương pháp giáo dục

Về đánh giá kết quả giáo dục

## GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH **GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

### Giới thiệu về ngành Giáo dục tiểu học

1. Tên ngành

Tên tiếng Việt: Giáo dục tiểu học

Tên tiếng Anh: Primary Education

2. Mã số ngành đào tạo: 7140202

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Giáo dục tiểu học

Tên tiếng Anh: Bachelor in Primary Education

6. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Vinh

### 1. Mục tiêu chương trình đào tạo

#### *Mục tiêu tổng quát*

Chương trình cử nhân giáo dục tiểu học đào tạo sinh viên tốt nghiệp trở thành công dân tự chủ và có trách nhiệm xã hội; là nhà giáo dục với các phẩm chất và năng lực cần thiết; có khả năng **hình thành ý tưởng –thiết kế– thực hiện**

**và đánh giá** chương trình giáo dục tiểu học trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

**Mục tiêu cụ thể:**

**Mục tiêu 1:** Áp dụng các kiến thức nền tảng và lập luận ngành vào lĩnh vực Giáo dục tiểu học;

**Mục tiêu 2:** Vận dụng các kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học chuyên ngành;

**Mục tiêu 3:** Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và học tập suốt đời trong bối cảnh nghề nghiệp;

**Mục tiêu 4:** Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá chương trình Giáo dục tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

## 2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra CTĐT được thiết kế từ tổng quát đến chi tiết theo các cấp độ tăng dần từ 1 đến 3. Cụ thể:

**CDR cấp độ 1:** gồm 4 CDR theo 4 mục tiêu cụ thể (PLO1 -> PLO 4);

**CDR cấp độ 2:** gồm 8 CDR, mỗi chuẩn đầu ra ở cấp độ này là sự cụ thể hoá của CDR ở cấp độ 1. Cụ thể:

Mục tiêu tổng quát				
Mục tiêu cụ thể	MT1	MT2	MT3	MT4
Cấp độ 1	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4
Cấp độ 2	PLO 1.1	PLO 2.1	PLO 3.1	PLO 4.1
	PLO 1.2	PLO 2.2	PLO 3.2	PLO 4.2

Nội dung các chuẩn đầu ra ở cấp độ 2 là một danh sách mô tả những gì sinh viên đạt được sau khi tốt nghiệp gồm:

- Kiến thức cơ bản, cốt lõi về chuyên môn, nghiệp vụ giáo dục tiểu học;
- Phẩm chất, năng lực cá nhân cần cho cuộc sống;
- Phẩm chất và năng lực nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục tiểu học;
- Năng lực thực hành CDIO

**CDR cấp độ 3:** gồm 27 CDR. Mỗi chuẩn đầu ra ở cấp độ này là sự chi tiết hoá nội dung của CDR cấp độ 2.



- Mỗi CDR cấp độ 3 sử dụng các động từ nhằm khẳng định những gì mà sinh viên tốt nghiệp có thể thực hiện được.
- Mỗi CDR cấp độ 3 sẽ được xác định tương ứng với một mức độ năng lực tương ứng theo thang 5 bậc của Bloom (các CDR kiến thức, phẩm chất và năng lực sẽ dùng chung 1 thang TĐNL) và sẽ được phân nhiệm cho các học phần (sau khi xây dựng hệ. CDR cấp độ 4).

<b>Mục tiêu tổng quát</b>				
<b>Mục tiêu cụ thể</b>	<b>MT1</b>	<b>MT2</b>	<b>MT3</b>	<b>MT4</b>
<b>Nội dung</b>	<b>Kiến thức</b>	<b>PC, NL cá nhân và nghề nghiệp</b>	<b>NL giao tiếp, hợp tác và năng lực ICT</b>	<b>NL thực hành CDIO (NL đặc thù ngành GDTH)</b>
<b>Cấp độ 1</b>	<b>PLO1</b>	<b>PLO2</b>	<b>PLO3</b>	<b>PLO4</b>
<b>Cấp độ 3</b>	PLO 1.1 (3CDR)	PLO 2.1 (5 CDR)	PLO 3.1(2 CDR)	PLO 4.1(2 CDR)
	PLO 1.2 (3 CDR)	PLO 2.2 (2 CDR)	PLO 3.2(2 CDR)	PLO 4.2 (5 CDR)
	PLO 1.3 (4 CDR)			
<b>Số lượng CDR</b>	10	7	4	7
<b>Tỉ lệ %</b>	35,7%	25%	14,3%	25%

<b>TT</b>	<b>CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>	<b>Mức độ NL</b>
<b>1</b>	<b>NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SỰ PHẠM NGÀNH GDTH</b>	
<b>CDR 1.1.</b>	<i>Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội và pháp luật vào các hoạt động nghề nghiệp</i>	

1.1.1.	Áp dụng được kiến thức cơ bản của triết học Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học vào các hoạt động nghề nghiệp	K3
1.1.2.	Áp dụng được kiến thức cơ bản về kinh tế chính trị, lịch sử đảng cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào các hoạt động nghề nghiệp	K3
1.1.3	Áp dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, an ninh-quốc phòng vào các hoạt động nghề nghiệp	K3
<b>CDR 1.2.</b>	<b><i>Áp dụng kiến thức nền tảng, cốt lõi về khoa học giáo dục; khoa học tự nhiên và xã hội, toán học, công nghệ vào hoạt động nghề nghiệp</i></b>	
1.2.1.	Áp dụng được kiến thức cốt lõi về tâm lý, giáo dục vào các hoạt động nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	K4
1.2.2.	Áp dụng được kiến thức lí luận cốt lõi về phương pháp giáo dục, dạy học và đánh giá vào các hoạt động phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	K4
1.2.3	Áp dụng được kiến thức nền tảng toán học, khoa học tự nhiên-xã hội, và công nghệ vào hoạt động phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	
<b>CDR 1.3.</b>	<b><i>Vận dụng thành thạo kiến thức về phương pháp, công cụ và phương tiện vào dạy học các môn học trong chương trình giáo dục tiểu học</i></b>	
1.3.1.	Vận dụng được kiến thức toán học và các chiến lược dạy học toán để phát triển năng lực học sinh	K4
1.3.2.	Vận dụng được kiến thức ngữ văn và các chiến lược dạy học ngữ văn để phát triển phẩm chất, năng lực phẩm chất, năng lực học sinh	K4
1.3.3.	Vận dụng được kiến thức về tự nhiên – xã hội và các chiến lược dạy học tự nhiên-xã hội để phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	K4
1.3.4.	Vận dụng được kiến thức thuộc lĩnh vực nghệ thuật, công nghệ và các chiến lược dạy học tương ứng để phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	K4
<b>2</b>	<b>NHÓM 2. NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</b>	
<b>CDR 2.1.</b>	<b><i>Thể hiện được năng lực cá nhân và nghề nghiệp cần thiết để hoạt động hiệu quả trong môi trường giáo dục tiểu học</i></b>	
2.1.1	Thể hiện năng lực tư duy và lập luận sư phạm, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo, tư duy phản biện trong thực tiễn nghề nghiệp	S4
2.1.2	Thể hiện kĩ năng tự học, khả năng quản lí thời gian và nguồn lực vào trong thực tiễn nghề nghiệp	S4

2.1.3	Sử dụng được các công nghệ thông tin truyền thông tiên tiến (ICT) vào các hoạt động nghề nghiệp	S4
2.1.4	Thể hiện được kỹ năng dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực	S4
2.1.5	Xác định được các đặc điểm nhận thức và tâm-sinh lý của học sinh tiểu học và xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, tích cực cho hoạt động học tập của học sinh	S4
<b>CDR 2.2.</b>	<b><i>Thể hiện được trách nhiệm công dân và phẩm chất chuẩn mực của một nhà giáo</i></b>	
2.2.1.	Thể hiện phẩm chất chính trị, trách nhiệm công dân và đạo đức nhà giáo	A4
2.2.2.	Thể hiện cách hành xử chuyên nghiệp, có phong cách chuẩn mực của một nhà giáo	A4
<b>3</b>	<b>NHÓM 3. NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC</b>	
<b>CDR 3.1</b>	<b><i>Thể hiện khả năng hợp tác có mục đích, có tính xây dựng trong thực tiễn nghề nghiệp</i></b>	
3.3.1.	Tổ chức và vận hành hiệu quả các nhóm làm việc trong các hoạt động nghề nghiệp	S4
3.3.2.	Lãnh đạo và phát triển được các nhóm công việc trong các hoạt động nghề nghiệp	S4
<b>CD R 3.2</b>	<b><i>Thể hiện được năng lực giao tiếp phù hợp, tự tin khi tương tác với các lực lượng giáo dục khác nhau bằng tiếng Việt chuẩn hoặc bằng ngoại ngữ</i></b>	
3.2.1.	Thực hiện thành thạo các hình thức giao tiếp đa phương thức trong các hoạt động nghề nghiệp	S4
3.2.2.	Thực hiện giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản (bậc 3/6) để hỗ trợ công việc chuyên môn	S4
<b>4</b>	<b>NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP</b>	
<b>CD R 4.1</b>	<b><i>Xác được mối liên hệ giữa bối cảnh xã hội và bên ngoài đối với ngành giáo dục tiểu học; bối cảnh nhà trường tiểu học và các hoạt động nghề nghiệp</i></b>	
4.1.1.	Xác định được vai trò và trách nhiệm của người làm công tác giáo dục học sinh tiểu học; những quy định của xã hội đối với cấp giáo dục tiểu học; Phân tích được tác động của giáo dục tiểu học đến xã	C5

	hội; xác định được bối cảnh văn hoá và lịch sử liên quan đến giáo dục tiểu học;	
4.1.2.	Xác định được sự khác biệt văn hoá nhà trường giữa các trường tiểu học; xác định được chiến lược, mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường	C5
<b>CD</b> <b>R</b> <b>4.2</b>	<b><i>Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp giáo dục tiểu học</i></b>	
4.2.1.	Hình thành được ý tưởng trong thực tiễn dạy học, giáo dục và đánh giá nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	C5
4.2.2.	Xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	C5
4.2.3.	Thiết kế được các kế hoạch và hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	C4
4.2.4.	Thực hiện được các hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá trong thực tiễn nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	C4
4.2.5.	Phát triển được các chương trình, kế hoạch và hoạt động dạy học, giáo dục trong thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục	C4

### 3. Khung chương trình đào tạo

#### Cấu trúc chương trình

Tại mỗi thời điểm phát triển CTĐT, chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế đảm bảo tương thích có định hướng với CĐR của CTĐT. CTDH năm 2020 được rà soát và cập nhật theo Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV của Trường Đại học Vinh. Bảng 3.1 mô tả cấu trúc của CTDH và mối liên hệ giữa các mô-đun với các CĐR của CTĐT. **Ngoài khối lượng học tập trong CTDH, sinh viên phải hoàn thành các khóa học về Giáo dục Thể chất (5 tín chỉ), An ninh – Quốc phòng (8 tín chỉ) và được khuyến khích tham gia các câu lạc bộ và các hoạt động ngoại khóa nhằm giúp sinh viên cải tiến kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp.**

#### Các học phần theo mô-đun

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
	<b>CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, XÃ HỘI (11 tín chỉ)</b>	
1	Triết học Mác - Lê Nin	3
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin	2
3	Lịch sử Đảng CSVN	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Đường lối Đảng cộng sản Việt Nam	2
	<b>TỔNG</b>	<b>11</b>
	<b>KHOA HỌC GIÁO DỤC: 10 tín chỉ</b>	
1	Nhập môn ngành sư phạm	3
2	Tâm lý học	3
3	Giáo dục học	4
	<b>TỔNG</b>	<b>10</b>
	<b>TIẾNG ANH VÀ TIN HỌC: 11 tín chỉ</b>	
1	Tiếng Anh 1	3
2	Tiếng Anh 2	4
3	ICT trong giáo dục	4
	<b>TỔNG</b>	<b>11</b>
	<b>CƠ SỞ NGÀNH: 36 tín chỉ</b>	
1	Cơ sở tự nhiên xã hội	4

2	Tiếng Việt	5
3	Tâm lí học giáo dục tiểu học	5
4	Toán học 1	4
5	Tự chọn 1	3
6	Văn học thiếu nhi	3
7	Giáo dục học tiểu học	4
8	Tự chọn 2	3
9	Toán học 2	3
10	Giáo dục sức khỏe	3
	<b>TỔNG</b>	<b>35</b>
	<b>CHUYÊN NGÀNH: 49 tín chỉ</b>	
1	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm TX	2
2	Đánh giá trong giáo dục	2
3	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	3
4	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	5
5	Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc	5
6	Phương pháp dạy học Toán	5
7	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	5
8	Tự chọn 3	2
9	Tổ chức hoạt động trải nghiệm	3
10	Phương pháp dạy học Thể dục	2
11	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ	3
12	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật	5
13	Phát triển chương trình Giáo dục tiểu học	3
14	Tự chọn 4	2
15	Quản lí cơ sở giáo dục	2
	<b>TỔNG:</b>	<b>49</b>
	<b>THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP: 10 tín chỉ</b>	

1	Thực tập sư phạm	5
2	Khóa luận tốt nghiệp	5
	<b>TỔNG</b>	<b>10</b>

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TIẾP CẬN CDIO**

**Ngành: Giáo dục Tiểu học**

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHV ngày /9/2021 của Hiệu trưởng*

*Trường Đại học Vinh)*

T T	Mã học phần	Tên học phần	TC	Lý thuyết (1)/Thực hành, thực tập(2)/Thảo luận, Bài tập (3)/Đồ án học phần (4)/Thực tập TN (5)/Đồ án TN (6)						Ph ân kỳ	Loại học phần	Đơn vị phụ trách (Khoa/Vi ện)
				1	2	3	4	5	6			
		<b>KIẾN THỨC BẮT BUỘC</b>										
1	PED200 02	Nhập môn ngành sư phạm	<b>3</b>	15			3 0			1	Bắt buộc	Trường Sư phạm
2	PRI310 01	Cơ sở tự nhiên xã hội	<b>4</b>	30		30				1	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
3	EDU21 003	Tâm lý học	<b>3</b>	30		15				1	Bắt buộc	Tâm lý - Giáo dục
4	PRI310 02	Toán học 1	<b>3</b>	15		30				1	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
5	POL110 01	Triết học Mác - Lênin	<b>3</b>	30		15				1	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
6	EDU20 006	Giáo dục học	<b>4</b>	45		15				2	Bắt buộc	Tâm lý - Giáo dục
7	POL110 02	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	<b>2</b>	20		10				2	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
8	EDU20 026	Tâm lý học giáo dục tiểu học	<b>5</b>	15		30	3 0			2	Bắt buộc	Tâm lý - Giáo dục
9	ENG10 001	Tiếng Anh 1	<b>3</b>	30		15				2	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
10	EDU20 009	Văn học thiếu nhi	<b>3</b>	20		25				2	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học

	NAP11001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)	(2)	30					(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	(2)	30					(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11003	Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung)	(2)	15	15				(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11004	Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật)	(2)	4	26				(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	SPO10001	Giáo dục thể chất	(5)	15	60				(1-3)	Bắt buộc	Giáo dục thể chất
11	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20		10			3	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
12	EDU30014	Giáo dục học tiểu học	4	15		15	30		3	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
13	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	45		15			3	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
14	EDU31038	Tiếng Việt	5	30		45			3	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
15		<b>Tự chọn 1</b>	3						3	Tự chọn	
16	EDU31033	Giáo dục sức khỏe	3	30		15			4	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
17	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20		10			4	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
18	EDU30093	Toán học 2	4	30		30			4	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
19		<b>Tự chọn 2</b>	3						4	Tự chọn	
20	INF20005	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	15	15		30		4	Bắt buộc	Tin học



21	EDU31024	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	2		30					5	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
22	EDU30032	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	3	15	15	15				5	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
23	EDU30038	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	5	30	15	30				5	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
24	EDU30048	Phương pháp dạy học Toán	5	30	15		30			5	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
25	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		10				5	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
26	EDU30046	Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc	5	30	30	15				6	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
27	EDU30098	Phương pháp dạy học Thể dục	2	20	10					6	Bắt buộc	Giáo dục thể chất
28	EDU30049	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	5	30	15		30			6	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
29	EDU20010	Đánh giá trong giáo dục	2	15		15				6	Bắt buộc	Tâm lý - Giáo dục
30		Tự chọn 3	2							6	Tự chọn	
31	EDU30066	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật	5	30	30	15				7	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
32	EDU31068	Phát triển chương trình giáo dục	3	15		30				7	Bắt buộc	Tâm lý - Giáo dục
33	EDU30099	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ	3	15	15	15				7	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
34	EDU31052	Quản lý cơ sở giáo dục	2	15		15				7	Bắt buộc	Tâm lý - Giáo dục
35	EDU32045	Tổ chức hoạt động trải nghiệm	3	15	15	15				7	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
36		Tự chọn 4	2							7	Tự chọn	

37	EDU31088	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8					75	45	8	Bắt buộc	Giáo dục tiểu học
		<b>Tổng</b>	<b>126</b>									

**Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 6 học phần)**

1	EDU20014	Đại cương văn học Việt Nam	3	15		30				3	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
2	EDU20011	Giao tiếp sư phạm	3	15		30				3	Tự chọn	Tâm lý - Giáo dục
3	EDU20019	Lý luận văn học	3	15		30				3	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
4	EDU20025	Ngữ dụng học	3	15		30				3	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
5	EDU31005	Từ Hán Việt	3	15		30				3	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
6	EDU20020	Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm	3	15		30				3	Tự chọn	Giáo dục Mầm non

**Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 6 học phần)**

1	EDU31030	Cơ sở hình học và thống kê	3	15		30				4	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
2	EDU20015	Đại số sơ cấp	3	15		30				4	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
3	EDU20016	Giáo dục hòa nhập	3	15		30				4	Tự chọn	Tâm lý - Giáo dục
4	EDU20018	Lịch sử và Địa lý địa phương	3	15		30				4	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
5	EDU20022	Phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến	3	15		30				4	Tự chọn	Giáo dục Mầm non
6	EDU31031	Số học	3	15		30				4	Tự chọn	Giáo dục tiểu học

**Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 7 học phần )**

n

1	EDU31009	Công tác chủ nhiệm lớp và sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học	2	15		15				6	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
2	EDU30094	Dạy học tích hợp trong Tự nhiên - xã hội	2	15		15				6	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
3	EDU30100	Dạy học Tự nhiên - xã hội bằng phương pháp Bàn tay nặn bột	2	15		15				6	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
4	EDU30095	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	2	15		15				6	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
5	EDU30096	Giáo dục STEM ở tiểu học	2	15		15				6	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
6	EDU30097	Hoạt động Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh ở trường tiểu học	2	15		15				6	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
7	EDU31020	Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	2	15		15				6	Tự chọn	Giáo dục tiểu học

**Tự chọn 4 (Chọn 1 trong 7 học phần)**

1	EDU30111	Bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt	2	15		15				7	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
2	EDU31046	Bồi dưỡng năng lực âm nhạc cho học sinh	2	15		15				7	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
3	EDU31007	Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh	2	15		15				7	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
4	EDU31066	Bồi dưỡng năng lực mỹ thuật cho học sinh	2	15		15				7	Tự chọn	Giáo dục tiểu học

5	EDU31026	Thực hành giải bài tập Tiếng Việt	2	15		15			7	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
6	EDU32026	Thực hành giải bài tập Toán	2	15		15			7	Tự chọn	Giáo dục tiểu học
7	EDU31003	Thực hành giải toán tư duy cho học sinh	2	15		15			7	Tự chọn	Giáo dục tiểu học

#### 4. Vị trí việc làm và cơ hội nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành GDTH có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

- **Lĩnh vực dạy học:** là giáo viên tiểu học các trường công lập hoặc ngoài công lập
- **Lĩnh vực quản lý giáo dục:** học tập nâng cao trình độ để trở thành chuyên viên, nhà quản lý, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục.
- **Các lĩnh vực khác:** học tập chuyển đổi văn bằng 2, ngành 2 trong một số lĩnh vực khác theo quy định hiện hành.

#### 5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

##### *Tuyển sinh*

Tuyển sinh đầu vào được đánh giá sau khi các thí sinh có kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia (được tổ chức bởi Bộ GD&ĐT) và nộp hồ sơ xét tuyển vào Trường. Dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh, số lượng thí sinh hồ sơ nộp, tổ hợp các môn xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh Trường xác định điểm chuẩn đảm bảo chất lượng đầu vào nhưng không thấp hơn điểm chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT. Ngành GDTH tuyển sinh theo 2 phương thức: (i) dựa trên 04 tổ hợp các môn xét tuyển bao gồm: C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý), A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), C20 (Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân) và D01 (Toán, Tiếng Anh, Ngữ Văn), không ít hơn 70% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh; (ii) xét tuyển học bạ THPT, không quá 30% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

Ngoài ra, Ngành GDTH xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng vào đại học chính quy được công bố trong Đề án tuyển sinh của Trường đại học Vinh.

## Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp: (i) cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập; (ii) hoàn thành 150 các tín chỉ của CTĐT; (iii) điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; (iv) có chứng chỉ Ngoại ngữ B1, tương đương trình độ bậc 3/6 theo tham chiếu Châu Âu; (v) có chứng chỉ Giáo dục-Quốc phòng; (vi) hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường. Đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn phải có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp.

Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

## 6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập	CĐR														
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
Thuyết trình															
Vấn đáp															
Hướng dẫn															
Tự học															
Thảo luận															
Thực hành															
Hoạt động nhóm															
Nghiên cứu tình huống															
Học dựa trên dự án															

**Bảng 1.2.** Ánh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập  
Đối với các học phần giáo dục đại cương (chính trị, kinh tế, xã hội, toán,

khoa học tự nhiên, tiếng Anh), các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình,

vấn đáp, hướng dẫn, tự học, thảo luận. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và đồ án, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, hoạt động nhóm, nghiên cứu các tình huống thực tiễn và học dựa trên dự án. Những hoạt động này nhằm nâng cao khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá các hoạt động dạy học và giáo dục của CT GDTH để đáp ứng các yêu cầu của người dùng.

### **Thuyết trình**

Thuyết trình là phương pháp dạy học bằng lời nói của người dạy để trình bày kiến thức mới hoặc tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống. Dạy học theo phương pháp thuyết trình cho phép người dạy truyền đạt những nội dung lý thuyết tương đối khó, phức tạp, chứa đựng nhiều thông tin mà người học khó tự tìm hiểu được một cách sâu sắc; giúp người học hiểu được hình mẫu về cách tư duy logic, cách đặt và giải quyết vấn đề khoa học, cách sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt những vấn đề khoa học một cách chính xác, rõ ràng, súc tích thông qua cách trình bày của người dạy; tạo điều kiện phát triển năng lực chú ý và kích thích tính tích cực tư duy của người học, vì có như vậy người học mới hiểu được lời giảng của người dạy và mới ghi nhớ được bài học. Ngoài ra, thuyết trình cho phép người dạy truyền đạt một khối lượng tri thức khá lớn cho nhiều người học trong cùng một lúc.

### **Vấn đáp**

Vấn đáp là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng hệ thống câu hỏi để dẫn dắt người học giải quyết nhiệm vụ học tập. Dạy học theo phương pháp vấn đáp nhằm giúp người học củng cố, mở rộng, tổng kết và hệ thống hoá những tri thức đã tiếp thu được; kích thích tư duy độc lập của người học, giúp người học hiểu nội dung học tập; lôi cuốn người học vào quá trình học tập, tạo không khí học tập sôi nổi trong lớp học; hình thành và phát triển kỹ năng nói, diễn đạt ý tưởng của người học.

### **Tự học**

Tự học là hình thức tổ chức dạy học cơ bản ở bậc đại học, đặc biệt là trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Tự học là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính bản thân người học tiến hành ngoài giờ học ở lớp, theo hoặc không theo chương trình đã được qui định. Tự học giúp người học rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu

tài liệu và khám phá tri thức; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa tri thức; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê phán và ý chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

### ***Thảo luận***

Thảo luận là phương pháp dạy học trong đó giáo viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giáo viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới cho giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, có thể giúp người học rút ra được những giải pháp mới từ các ý kiến khác nhau. Ngoài ra, phương pháp này còn khiến người học chú tâm hơn đến các đề tài đang được thảo luận; giúp cho những ý tưởng và sự thể nghiệm của người học được tôn trọng; giúp người học hiểu rõ được những đặc điểm của quá trình thảo luận dân chủ; giúp người học phát triển khả năng trao đổi suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích và tổng hợp.

### ***Thực hành***

Thực hành được thực hiện tại phòng học, ngoài không gian lớp học hoặc tại trường phổ thông và được thiết kế trong các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Thực hành được tiến hành sau các giờ học lý thuyết nhằm mục đích giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng phân tích, tổng hợp; rèn luyện đức tính kiên trì và bồi dưỡng hứng thú nghiên cứu khoa học.

### ***Hoạt động nhóm***

Hoạt động nhóm là một trong những phương pháp dạy nhằm phát huy tính tích cực của người học, lấy hoạt động của người học làm trung tâm. Hoạt động nhóm là cách thức trao đổi ý kiến, quan điểm giữa người học trong một nhóm với nhau và trong một khoảng thời gian nhất định một về một vấn đề học tập hay một vấn đề của cuộc sống có liên quan đến nội dung học tập. Kết quả của từng nhóm sẽ được trình bày để thảo luận chung trước khi giáo viên đi đến kết luận cuối cùng. Hoạt động nhóm nhằm tạo cơ hội tối đa cho người học bộc lộ hiểu biết quan điểm của mình về nội dung, phương pháp học tập; rèn luyện khả năng diễn đạt, cách thức tư duy và ý tưởng của cá nhân; tạo điều



kiện cho người học có thể học hỏi lẫn nhau; đề cao tinh thần hợp tác, rèn luyện kỹ năng giao

tiếp trong học tập cho người học; giúp cho giáo viên nắm được thông tin ngược từ phía người học.

### ***Nghiên cứu tình huống***

Nghiên cứu tình huống là một phương pháp dạy học giải quyết vấn đề trong đó các tình huống là đối tượng chính của quá trình dạy học. Trong phương pháp dạy học này giảng viên cung cấp cho sinh viên tình huống dạy học, sinh viên tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này có các ưu điểm nổi bật như: tăng tính thực tiễn của môn học, giảm thiểu rủi ro cho người học trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của người học. Ngoài ra, dạy học bằng phương pháp nghiên cứu tình huống cũng tạo cơ hội cho người học phát triển toàn diện các kỹ năng như: kỹ năng phân tích để xác định vấn đề, kỹ năng xây dựng và viết tình huống, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề/quan điểm trước tập thể, kỹ năng tranh luận và bảo vệ ý kiến.

### ***Học dựa trên dự án***



























Học dựa vào trên dự án là phương pháp tổ chức dạy học thông qua các dự án hay đề tài thực tế. Người học được tạo điều kiện để thực hiện mới hoặc làm lại các đề tài hay nội dung khoa học mà nhà nghiên cứu đã tiến hành, chẳng hạn như: xây dựng lại một bản thiết kế, lập kế hoạch, phát triển các hoạt động giáo dục và dạy học,... Theo đó, người học sẽ cảm thấy rất hứng thú bởi họ được tham gia gần như “trực tiếp” vào trong quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Chính vì thế, quá trình tiếp thu kiến thức cũng diễn ra một cách tích cực. Người học không những được tiếp cận với thông tin mới mà còn được rèn luyện kỹ năng phân tích, thiết kế hệ thống, đọc hiểu, tóm tắt, và trình bày các vấn đề khoa học.

Phương pháp học dựa trên dự án chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống. Bên cạnh đó, phương pháp học dựa trên dự án còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi được những sở thích của mình và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong dự án. Phương pháp này có thể giúp đạt được chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO như: lập giả thiết, kỹ năng thiết kế - triển khai, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình.

## 7. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác định mức độ đạt được CĐR của các học phần và từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CĐR của CTĐT. Ngành CNTT đánh giá sinh viên trong quá trình học tập dựa trên Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 và Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Các học phần được đánh giá bao gồm đánh giá quá trình (chuyên cần, thái độ, mức độ tích cực tham gia vào quá trình học tập), đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc học phần. Các hình thức đánh giá được sử dụng để phù hợp với CĐR của CTĐT được mô tả như Bảng 1.3.

**Bảng 1.3.** Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT

Các hình thức đánh giá		Hình thức đánh giá				CĐR của CTĐT											
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6	
1. Ý thức và thái độ học tập	Rubrics																
2. Hồ sơ học phần	Rubrics																
3. Kiểm tra bài tập	Đáp án																
4. Thi trắc nghiệm	Đáp án																
5. Thi tự luận	Đáp án																
6. Thi thực hành	Rubrics																
7. Viết báo cáo	Rubrics																
8. Thuyết trình báo cáo	Rubrics																
9. Đồ án	Rubrics																
10. Hoạt động nhóm	Rubrics																

### Đánh giá ý thức và thái độ học tập

Đánh giá ý thức học tập là đánh giá mức độ chuyên cần mà sinh viên phải tham gia lớp học. Đánh giá thái độ học tập là đánh giá mức độ sinh viên thể hiện thái độ tích cực và hợp tác trong lớp cũng như trong tinh thần đồng đội khi thực hiện nhóm. Tính chuyên cần và thái độ học tập của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí ở Bảng Rubric 1 hoặc Rubric 2 tùy thuộc vào các học phần lý thuyết hay học phần có thực tập/đồ án.

### Đánh giá hồ sơ học phần

Đối với hồ sơ học phần, sinh viên bắt buộc phải làm bài tập liên quan

đến các bài học học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm (được đánh giá theo các tiêu chí trong Bảng Rubric 3). Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng những yêu cầu về các học liệu kèm theo học phần của giảng viên.

### ***Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm***

Hình thức trắc nghiệm là dạng kiểm tra trong đó mỗi câu hỏi kèm theo câu trả lời sẵn. Loại câu hỏi này cung cấp cho sinh viên một phần hay tất cả thông tin cần thiết và đòi hỏi sinh viên phải chọn một hay nhiều giải pháp trả lời đúng nhất. Loại câu hỏi này được gọi là trắc nghiệm khách quan vì chúng đảm bảo tính khách quan, chính xác, ổn định và không phụ thuộc vào người chấm; đồng thời nó cho phép đánh giá được toàn bộ những khả năng của người học theo sự phân loại (ghi nhớ thông tin, thông hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá). Bài trắc nghiệm thường có số câu hỏi nhiều hơn bài tự luận.

### ***Đánh giá theo hình thức tự luận***

Sinh viên phải trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến yêu cầu kiến thức của học phần. Các yêu cầu của câu hỏi trong các đề thi được thiết kế để đánh giá kết quả học tập của học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong hình thức này là từ 1 đến 10 theo đáp án của đề thi.

### ***Đánh giá theo hình thức thực hành***

Sinh viên phải thực hiện các nội dung thực hành liên quan đến các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của các học phần được quy định trong đề cương chi tiết của CTĐT. Thang điểm đánh giá được sử dụng từ 0 đến 10. Các tiêu chí đánh giá của các học phần có thực hành được thể hiện trong Bảng Rubric 4.

### ***Đánh giá viết báo cáo***

Sinh được đánh giá thông qua báo cáo về chủ đề giáo viên yêu cầu, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, định dạng trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá của phương pháp này được thể hiện trong Bảng Rubric

### ***Đánh giá thuyết trình***

Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình theo một chủ đề nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên. Giảng viên cho điểm sinh viên thông qua buổi trình bày báo cáo, đưa ra các câu hỏi trực tiếp và nhận các câu trả lời. Các tiêu chí để đánh giá sinh viên qua hoạt động thuyết trình được mô tả trong Bảng Rubric 6.

## Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 và Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

### Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của CTĐT được quy định như Bảng

### Điểm đánh giá học phần

Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ như quy định trong Bảng 1.4.

**Bảng 1.4.** Thang điểm đánh giá học phần

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A	8.5 – 10.0	4.0
B+	8.0 – 8.4	3.5
B	7.0 – 7.9	3.0
C+	6.5 – 6.9	2.5
C	5.5 – 6.4	2.0
D+	5.0 – 5.4	1.5
D	4.0 – 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

**Bảng 1.5.** Thành phần và điểm đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Tỷ lệ
<b>1. Đánh giá quá trình</b>	<b>50%</b>
<b>1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập</b>	<b>10%</b>
- Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	

<p><b>1.2. Đánh giá hồ sơ học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ có thể là bài tập cá nhân, báo cáo bài tập nhóm, báo cáo kết quả thảo luận, minh chứng sản phẩm học tập, .v.v.</li> <li>- Tùy theo đặc thù học phần mà giảng viên quy định các sản phẩm cụ thể.</li> </ul>	<p><b>20%</b></p>
<p><b>1.3. Đánh giá giữa kỳ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu số tín chỉ lý thuyết <math>\leq 3</math> thì tổ chức 1 lần kiểm tra.</li> <li>- Nếu số tín chỉ lý thuyết <math>\geq 4</math> thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.</li> </ul>	<p><b>20%</b></p>
<p><b>2. Đánh giá thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Học phần chỉ có lý thuyết</i>: điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kỳ và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...)</li> <li>- <i>Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án</i>: điểm đánh giá cuối kỳ là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án.</li> <li>- <i>Học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án</i>: điểm đánh giá cuối kỳ là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.</li> </ul>	<p><b>50%</b></p>
<p><b>3. Công thức tính điểm học phần</b></p> <p><i>Học phần chỉ có lý thuyết</i></p> <p>Điểm học phần lý thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:</p> $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.2 + a_4 \times 0.5$ <p>Trong đó, <math>a</math>: điểm học phần; <math>a_1</math>: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; <math>a_2</math>: điểm đánh giá hồ sơ học phần; <math>a_3</math>: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; <math>a_4</math>: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.</p> <p><i>Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân.</li> </ul>	

*Học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án:*

$$a = a1 \times 0.1 + a2 \times 0.2 + a3 \times 0.2 + (a4 * m + a5 * n) * 0.5 / (m + n).$$

Trong đó,  $a$ : điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân;  $a1$ : điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên;  $a2$ : điểm đánh giá hồ sơ học phần;  $a3$ : điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần;  $a4$ : điểm đánh giá thi kết thúc phần lý thuyết;  $a5$ : điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án;  $m$ : số tiết lý thuyết;  $n$ : số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.

*Học phần thực tập cuối khóa:*

- Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$a = a1 \times 0.5 + a2 \times 0.5$$

Trong đó,  $a$ : điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân;  $a1$ : điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn;  $a2$ : điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.

## CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy phác thảo chân dung người giáo viên tiểu học trong thế kỉ 21 theo nhận thức của anh/chị?

2. Để trở thành 01 sinh viên tốt nghiệp ngành SP GDTH đạt loại giỏi, xuất sắc theo anh/chị trong quá trình học tập và rèn luyện ở trường ĐHSP cần phải trang bị những phẩm chất và năng lực gì ?

3. Bạn mong muốn gì về cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp ngành SP GDTH ?